TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 230 /2018/QĐST-HNGĐ	*Thọ Xuân, ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 218 /2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn : Anh Nguyễn Văn D , sinh năm 1988.

Địa chỉ : Thôn C, xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trương Thị Q , sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C , xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 , Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trương Thị Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân**:** Anh Nguyễn Văn D và chị Trương Thị Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trương Thị Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 22/10/2014

Chị Q trực tiếp nuôi con chung, anh D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu

Nguyễn Thị Thu N đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ : Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D và chị Q thỏa thuận: Anh D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ và buộc anh D phải nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, cả hai khoản là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số 00001274 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa. Anh D đã nộp đủ.

Kể từ ngày ng□ời đ□ợc thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ng□ời phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t□ơng ứng với thời gian chậm trả .

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Anh Nguyễn Văn D và chị Trương Thị Q
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân;
- UBND xã X , huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đăng Tuấn